CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú

Ngày 30/06/2025	53,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**-7.9%**	**-9.7%**

DT thuần
Q2/25
179
tỷ VNĐ
QoQ: ▼70.0| -28.0%
YoY: ▲ 12.0| 7.4%

LN thuần
Q2/25
20.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼139| -87.2%
YoY: ▼7.90| -27.9%

LN sau thuế
Q2/25
1.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▼140| -98.8%
YoY: ▼24.1| -93.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.4%
YoY: +/-▼ 66.5%

ROE (TTM)
Q2/25
7.7%
YoY: +/-▼ 0.5%

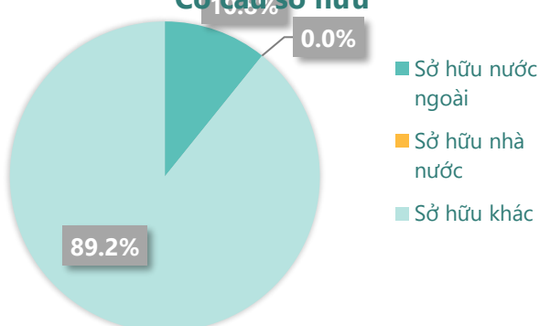
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,400 - 59,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,059
Số lượng CPLH (CP)	320,049,577
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,804,376
Sở hữu nước ngoài	10.8%
Beta	0.52
EPS	1,120
P/E	47.6

DT thuần
6T 2025
428
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 134| 45.8%

LN thuần
6T 2025
180
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0| 76.4%

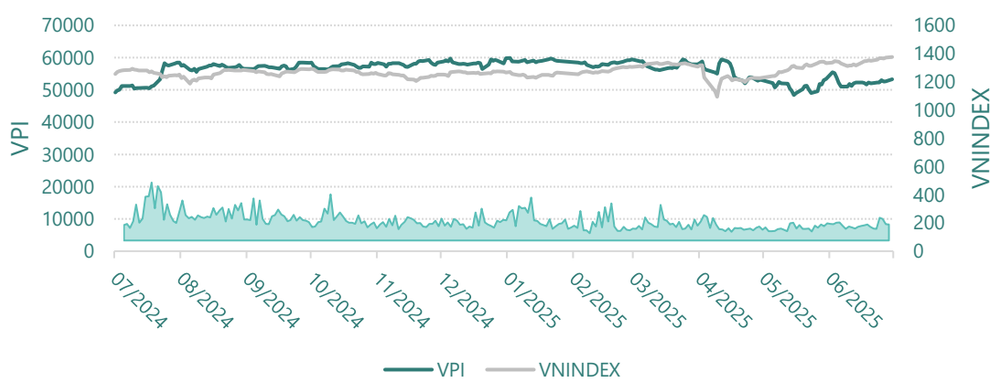
LN sau thuế
6T 2025
144
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.3| 50.4%

Cơ cấu sở hữu

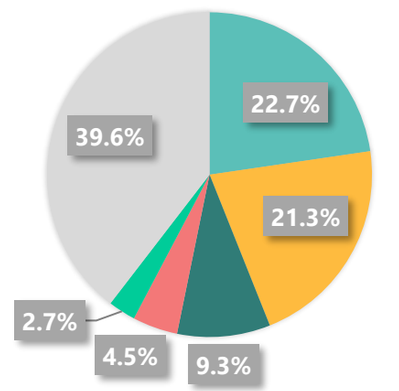


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

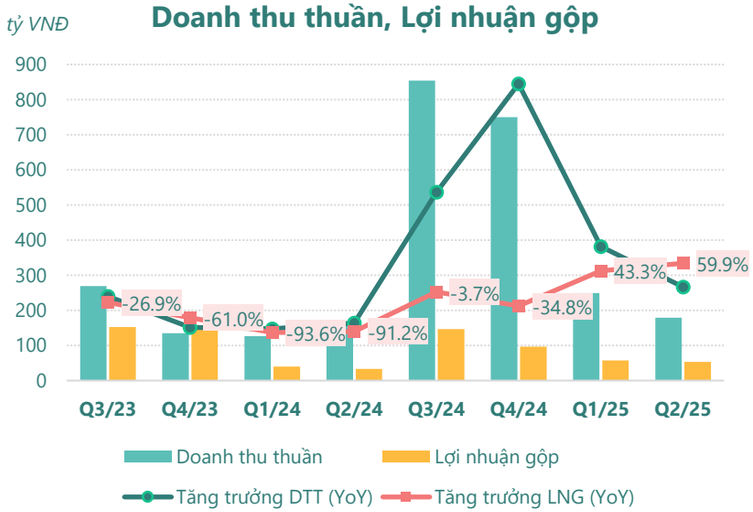


- Tô Như Toàn (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư THG Holdings
- VIAC No.1 Partnership Ltd.,
- Nguyễn Ngọc Trung
- Tô Như Thắng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

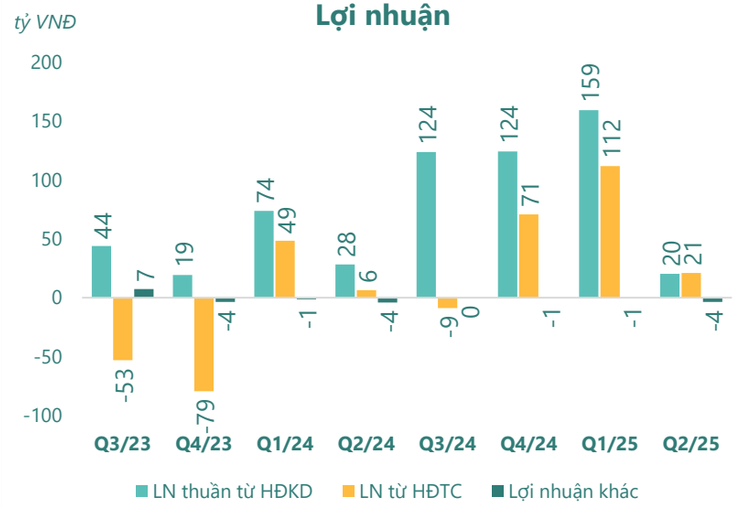
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



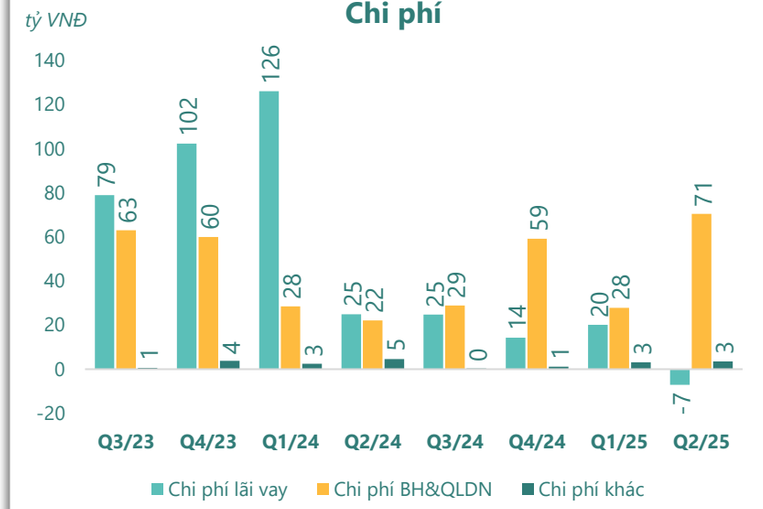
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



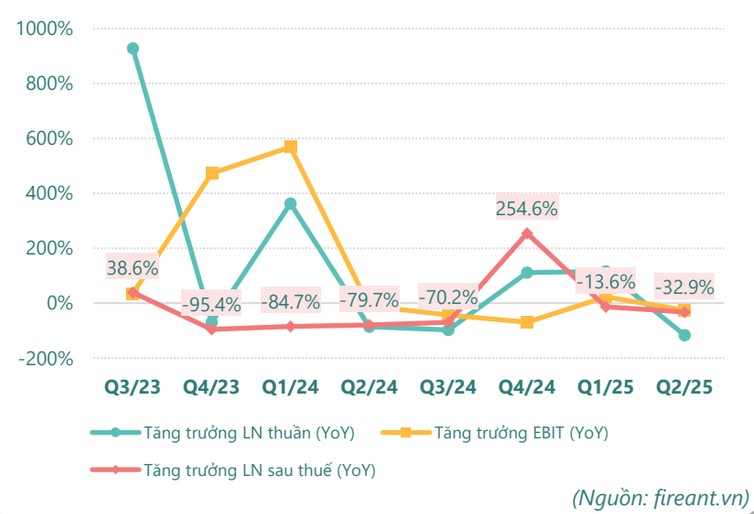
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



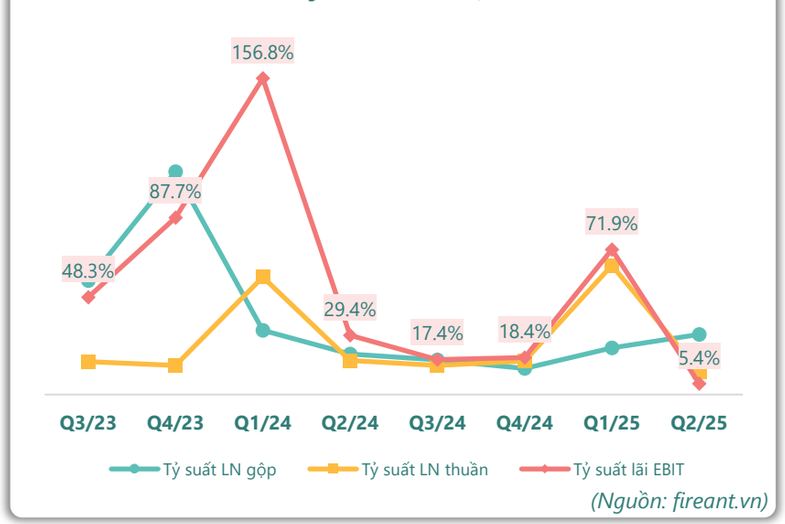
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



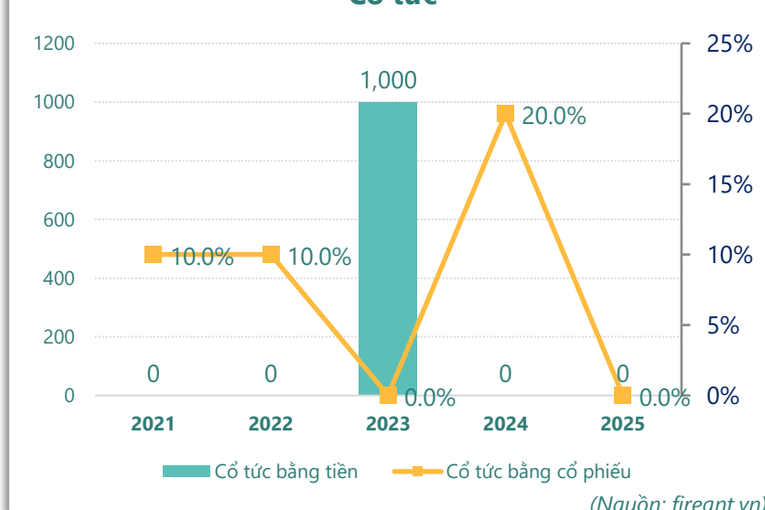
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

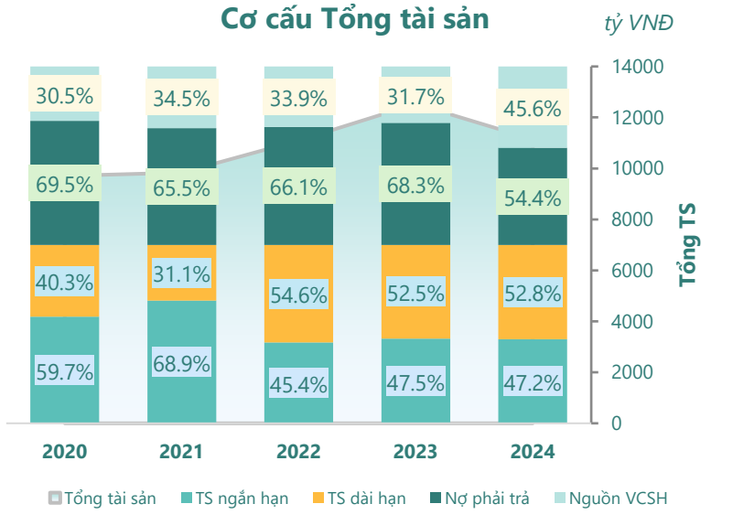
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

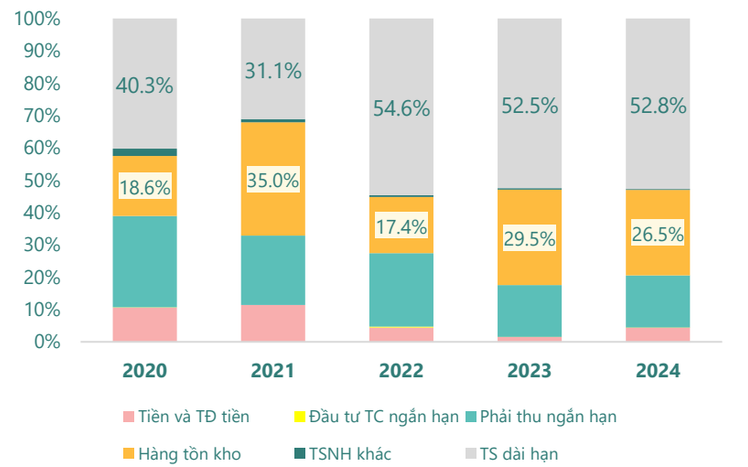
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



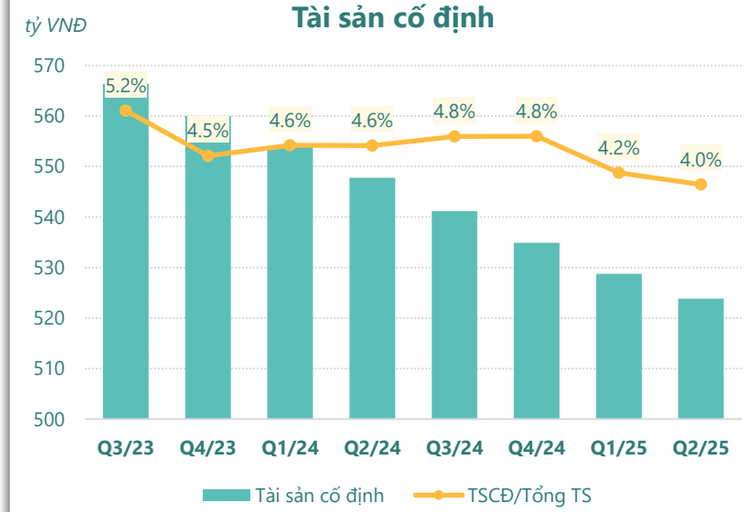
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



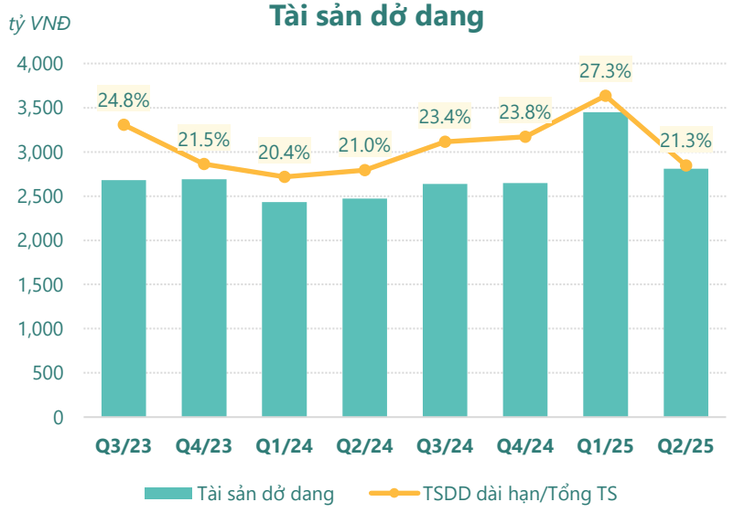
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



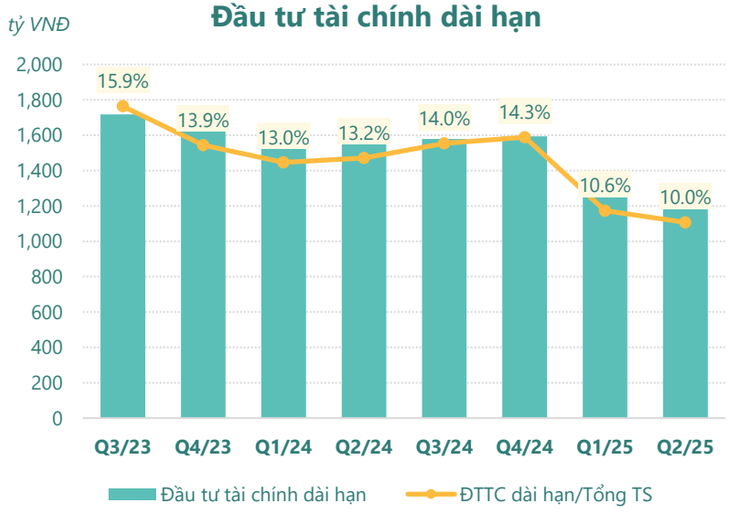
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



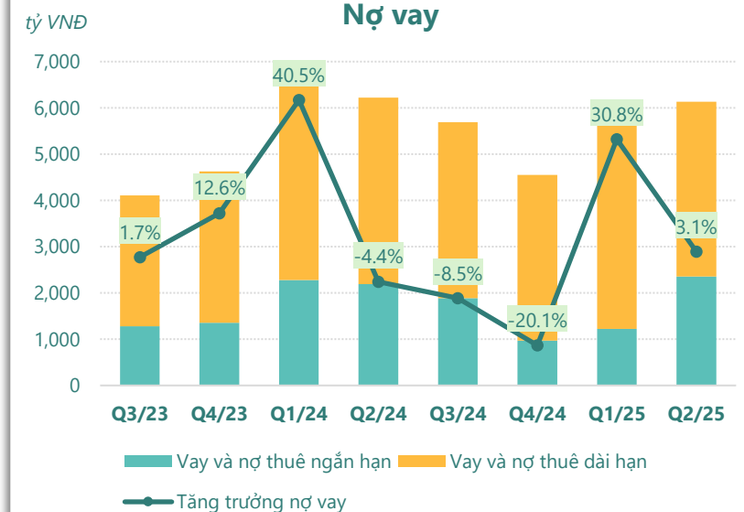
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

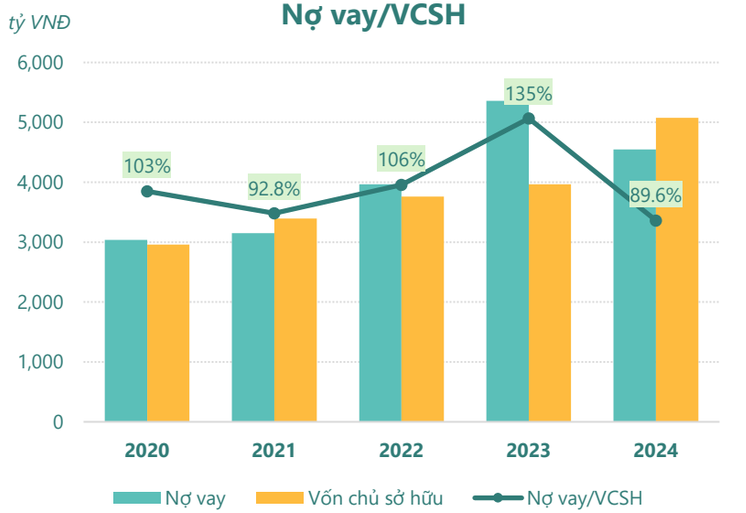
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

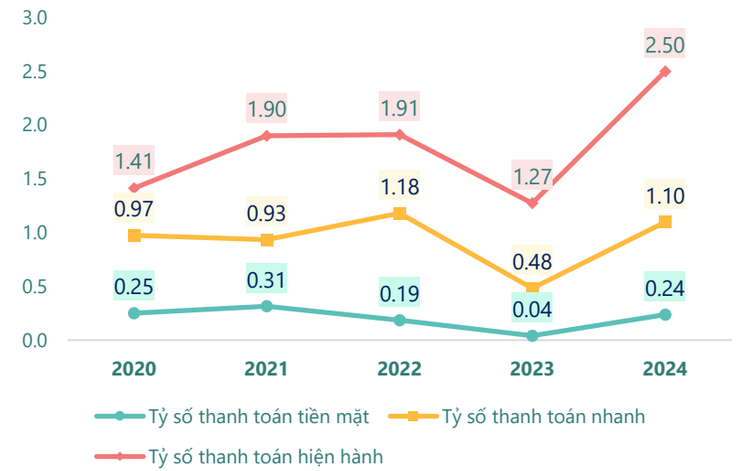
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



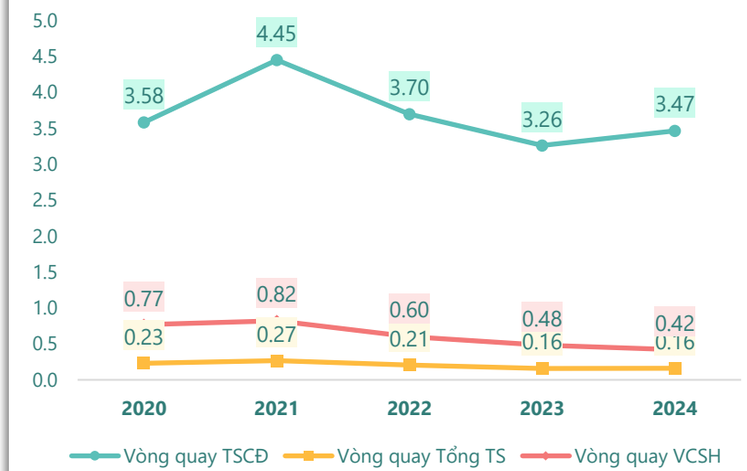
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



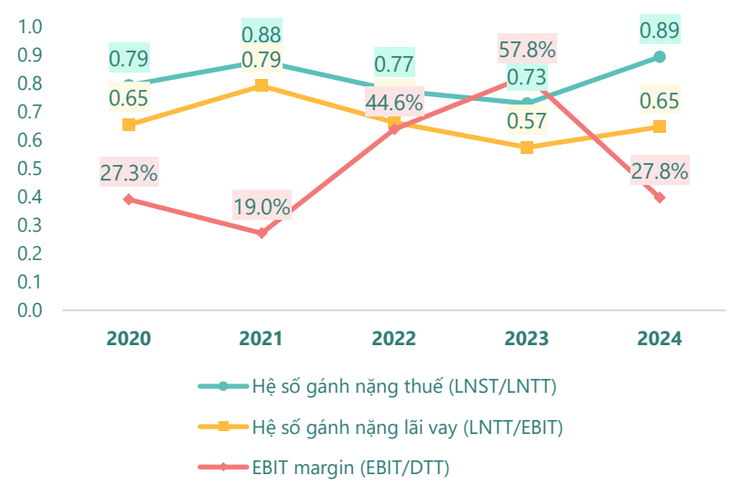
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



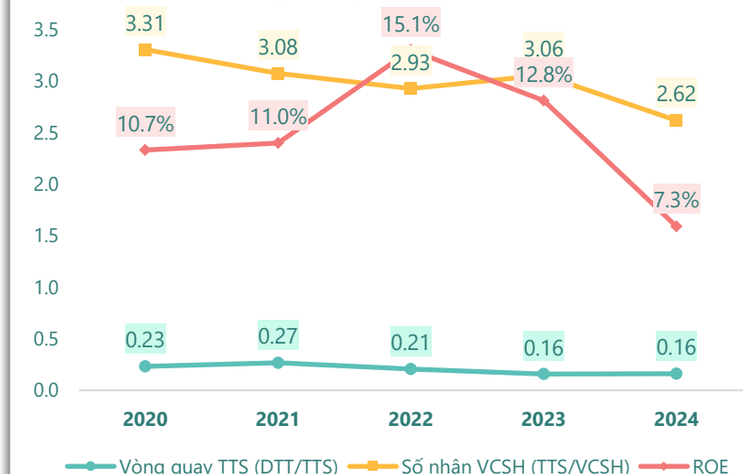
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



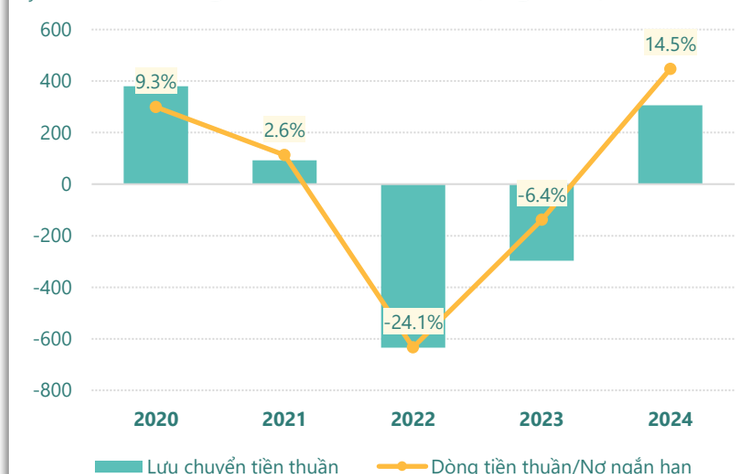
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**179**	**167**	**7.4%**	**428**	**294**	**45.8%**
Giá vốn hàng bán	126	134	-6.1%	317	220	44.2%
Lợi nhuận gộp	53.5	33.5	59.7%	111	73.7	50.8%
Doanh thu HĐTC	22.2	32.6	-31.7%	156	209	-25.4%
Chi phí TC	1.19	26.3	-95.5%	23.1	154	-85.0%
Chi phí lãi vay	-7.10	24.9	-128%	13.0	151	-91.4%
LN trong công ty LKLD	**16.3**	**10.5**	**55.0%**	**33.8**	**23.8**	**41.7%**
Chi phí bán hàng	10.3	1.39	639%	11.2	2.75	307%
Chi phí QLDN	**60.2**	**20.7**	**191%**	**87.1**	**47.8**	**82.2%**
LN thuần từ HĐKD	20.3	28.2	-27.9%	180	102	76.4%
Lợi nhuận khác	**-3.57**	**-4.00**	**10.6%**	**-4.18**	**-5.36**	**22.1%**
LN trước thuế	16.8	24.2	-30.7%	176	96.5	81.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.70**	**25.8**	**-93.4%**	**144**	**95.7**	**50.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.90**	**24.6**	**-84.1%**	**145**	**117**	**24.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-485	-250	341	717	141	-1,413
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-277	421	-180	-14.3	-423	660
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,144	-308	-498	-345	523	178
Tiền đầu kỳ	191	573	435	99.6	498	738
Lưu chuyển tiền thuần	**382**	**-138**	**-336**	**358**	**240**	**-576**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	573	435	99.6	457	738	162

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**13,161**	**11,139**	**18.2%**
Tài sản ngắn hạn	7,657	5,259	45.6%
Tiền và tương đương tiền	162	498	-67.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,387	1,787	33.5%
Hàng tồn kho	5,048	2,947	71.3%
Tài sản ngắn hạn khác	59.8	27.9	115%
Tài sản dài hạn	**5,504**	**5,879**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	401	745	-46.1%
Tài sản cố định	524	535	-2.1%
Bất động sản đầu tư	310	316	-1.8%
Tài sản dở dang	2,809	2,538	10.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,311	1,592	-17.6%
Tài sản dài hạn khác	**148**	**153**	**-3.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,935	6,064	30.8%
Nợ ngắn hạn	**3,361**	**2,106**	**59.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,357	1,252	88.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	112	83.2	34.5%
Nợ dài hạn	4,574	3,959	15.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,775	3,297	14.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,226**	**5,074**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**5,226**	**5,074**	**3.0%**
Vốn điều lệ	3,200	3,200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)